

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Báo cáo tài chính đã được soát xét cho 6 tháng đầu năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9-9
Lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0300381564 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 9 năm 2012 với vốn điều lệ là 249.599.920.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn của các cổ đông sáng lập :

- Vốn của Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam (nay là Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam) là 11.320.560 cổ phần tương đương 113.205.560.000 đồng, chiếm tỷ lệ 70,75 % vốn điều lệ ban đầu (160.000.000.000 đồng);
- Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank nắm giữ 50.000 cổ phần tương đương 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,31 % vốn điều lệ ban đầu (160.000.000.000 đồng);
- 920 cổ đông khác nắm giữ 4.629.440 cổ phần tương đương 46.294.400.000 đồng, chiếm tỷ lệ 28,93 % ban đầu (160.000.000.000 đồng).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc.

Trụ sở của Công ty : 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.38.299.443 – 08.38.292.971

Fax: 08.38.299.437

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện , sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;
- Kinh doanh nhà ở;
- Đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

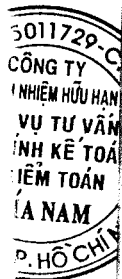
Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

Công ty hiện có 3 Xí nghiệp và 2 chi nhánh hoạt động theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28/08/2007 và 01 Công ty con, cụ thể :

Xí nghiệp Tân Á

- Mã chi nhánh: 03000381564-001
- Địa chỉ : 209 Kinh Dương Vương , Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08.38.776.104 Fax : 08.38.754.188



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM

Xí nghiệp Thành Mỹ

- Mã chi nhánh: 0300381564-002
- Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0613.836.165 Fax : 0613.836.444

Xí nghiệp Long Biên

- Mã chi nhánh: 0300381564-003
- Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0613.836.200 Fax : 0613.836.452

Chi nhánh Miền Trung

- Mã chi nhánh: 0300381564-009
- Địa chỉ : Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511.3611.627 Fax : 0511.3611.647

Chi nhánh Miền Bắc

- Mã chi nhánh: 0300381564-007
- Địa chỉ : 10A Hàng Cháo, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37.346.846 Fax : 04.37.346.813

Công ty ty con : Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai (Gọi tắt là Cadivi Đồng Nai)

- Địa chỉ : đường số 01, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
 - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng do Công ty đầu tư 100% vốn.
- Cadivi Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603058326, đăng ký lần đầu ngày 11/6/2013. Tuy nhiên, đến thời điểm 01/7/2013, Công ty mới góp vốn đầu tư vào Cadivi Đồng Nai và Cadivi Đồng Nai sẽ chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2013.

Hội đồng quản trị Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hoa Cương	Việt Nam	Chủ tịch	18/04/2012	
- Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Việt Nam	Phó chủ tịch	18/04/2012	
- Ông Nguyễn Lộc	Việt Nam	Thành viên	18/04/2012	
- Ông Trịnh Quang Chiến	Việt Nam	Thành viên	18/04/2012	17/04/2013
- Ông Đoàn Hoài Thanh	Việt Nam	Thành viên	18/04/2012	
- Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên	17/04/2013	

Ban Tổng giám đốc Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Lộc	Việt Nam	Tổng giám đốc	01/9/2012	
- Ông Nguyễn Dung	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	19/4/2012	
- Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	19/4/2012	

Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Phạm Tuấn Anh	Việt Nam	Trưởng ban	18/04/2012	
- Ông Ngô Quang Hùng	Việt Nam	Thành viên	18/04/2012	
- Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Việt Nam	Thành viên	18/04/2012	

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM

Kế toán trưởng

Ông Võ Hữu Luyện

Việt Nam

01/09/2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN LỘC



Số: 537/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.***Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

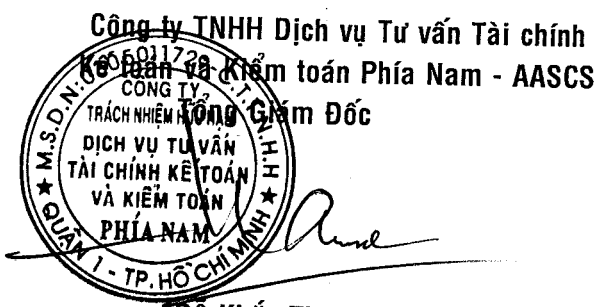
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) được lập tại ngày 09/09/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2013

**Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số : 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên**Lưu Vĩnh Khoa**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số : 0166-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.245.701.274.759	1.162.466.110.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	54.072.161.918	49.860.137.206
1. Tiền	111		54.072.161.918	49.860.137.206
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		606.693.944.726	546.894.700.710
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.2	602.922.935.748	540.754.235.187
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	11.076.622.845	10.473.018.046
5. Các khoản phải thu khác	135		3.283.317.712	504.925.822
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.4	(10.588.931.579)	(4.837.478.345)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	566.635.250.257	559.480.633.607
1. Hàng tồn kho	141		566.635.250.257	559.480.633.607
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.299.917.858	6.230.639.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	7.350.146.770	1.003.437.711
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	59.702.810
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	25.454.714
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	10.949.771.088	5.142.043.998
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		411.315.968.443	406.981.668.698
II. Tài sản cố định	220		355.405.045.376	350.708.626.475
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	205.117.323.900	141.009.751.071
- Nguyên giá	222		473.552.124.798	398.681.009.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.434.800.898)	(257.671.258.503)
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	49.022.322.440	49.337.269.302
- Nguyên giá	228		55.438.774.899	55.241.062.899
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.416.452.459)	(5.903.793.597)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	101.265.399.036	160.361.606.102
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.11	8.868.577.611	8.842.533.611
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.135.707.611	10.135.707.611
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.267.130.000)	(1.293.174.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.042.345.456	47.430.508.612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	45.440.685.501	45.828.848.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.13	1.601.659.955	1.601.659.955
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.657.017.243.202	1.569.447.779.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.247.648.999.276	1.171.361.563.774
I. Nợ ngắn hạn	310		1.189.606.895.194	1.113.339.524.352
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	579.789.918.532	450.863.440.604
2. Phải trả cho người bán	312	VI.15	274.936.986.900	260.890.522.747
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.16	3.730.019.570	2.774.507.342
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.17	18.419.037.374	11.988.726.634
5. Phải trả người lao động	315		11.020.992.901	26.026.978.898
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	46.804.617.804	55.258.466.672
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	242.377.216.483	297.702.732.364
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.208.439.645	1.482.126.819
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.319.665.985	6.352.022.272
II. Nợ dài hạn	330		58.042.104.082	58.022.039.422
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	58.042.104.082	58.022.039.422
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		409.368.243.926	398.086.215.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.21	409.368.243.926	398.086.215.680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.599.920.000	249.599.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.034.300.000	24.034.300.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.616.955.379	16.403.910.026
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		38.529.576.825	32.316.531.472
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		74.587.491.722	75.731.554.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.657.017.243.202	1.569.447.779.454

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	182.185.560
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5.818.411.602	5.818.411.602
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD	VI.1	310.774,27	286.483,38
- EUR	VI.1	130,64	181,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

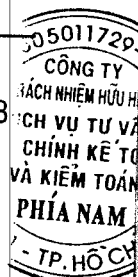
**LÊ THỊ HỒNG LĨNH**

Kế toán trưởng

**VÕ HỮU LUYỆN**

Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2013

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN LỘC**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.051.462.776.603	1.495.054.927.375
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	740.694.008	2.562.712.804
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.050.722.082.595	1.492.492.214.571
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1.886.023.380.840	1.321.454.780.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164.698.701.755	171.037.433.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	2.228.026.909	1.210.380.879
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	36.362.954.534	42.213.582.415
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.033.274.230	25.936.662.077
8. Chi phí bán hàng	24	VII.6	25.953.172.004	21.205.373.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.7	38.134.061.251	40.119.005.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.476.540.875	68.709.854.092
11. Thu nhập khác	31	VII.8	1.543.131.892	445.761.942
12. Chi phí khác	32	VII.9	490.025.315	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.053.106.577	445.761.942
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.529.647.452	69.155.616.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.11	16.997.622.894	17.288.904.009
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.532.024.558	51.866.712.025
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.12	2.025	2.703

Người lập biểu



LÊ THỊ HỒNG LÍNH

Kế toán trưởng



VÕ HỮU LUYỆN

Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2013

Tổng Giám đốc



NGUYỄN LỘC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67.529.647.452	69.155.616.034
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.6,7	14.317.992.819	5.437.085.125
- Các khoản dự phòng	03		5.451.722.060	4.488.708.637
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(826.258.657)	(43.689.509)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-1.015.226.856	-889.746.326
- Chi phí Lãi vay	06		23.033.274.230	25.936.662.077
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.491.151.048	104.084.636.038
- Tăng/giảm Các khoản phải thu	09		(72.155.155.812)	(74.563.209.808)
- Tăng/giảm Hàng tồn kho	10		(7.154.616.650)	104.759.582.525
- Tăng/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(27.156.705.400)	(43.380.500.858)
- Tăng/giảm Chi phí trả trước	12		(5.958.545.903)	(458.299.329)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(22.232.303.439)	(22.268.172.331)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.505.601.247)	(28.634.625.375)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.981.178.159	7.604.169.638
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.227.374.422)	(4.066.566.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.917.973.666)	43.077.014.300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.563.055.720)	(86.919.786.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.015.226.856	889.746.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.547.828.864)	(86.030.040.374)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	156.900.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		566.198.179.962	514.225.178.722
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(437.279.288.002)	(463.085.854.743)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60.284.088.500)	(36.084.460.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		68.634.803.460	15.211.763.979
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.169.000.930	(27.741.262.095)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.860.137.206	58.593.342.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		43.023.782	(93.564.622)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	54.072.161.918	30.758.515.996

Người lập biểu



LÊ THỊ HỒNG LÍNH

Kế toán trưởng



VÕ HỮU LUYỆN

Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2013

Tổng Giám đốc



NGUYỄN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/6/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0300381564 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 9 năm 2012 với vốn điều lệ là 249.599.920.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn của các cổ đông sáng lập :

- Vốn của Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam (nay là Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam) là 11.320.560 cổ phần tương đương 113.205.560.000 đồng, chiếm tỷ lệ 70,75 % vốn điều lệ ban đầu (160.000.000.000 đồng);
- Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nắm giữ 50.000 cổ phần tương đương 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,31 % vốn điều lệ ban đầu (160.000.000.000 đồng);
- 920 cổ đông khác nắm giữ 4.629.440 cổ phần tương đương 46.294.400.000 đồng, chiếm tỷ lệ 28,93 % vốn điều lệ ban đầu (160.000.000.000 đồng).



Ngành, nghề kinh doanh :

- Sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện , sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;
- Kinh doanh nhà ở;
- Đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/6/2013

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10")- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do BTC ban hành hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tỷ giá hối đoái được áp dụng để đánh giá số dư tại ngày 30/06/2013: 21.141 đ/USD; 27.459 đ/EUR.

2. Chính sách các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/6/2013

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

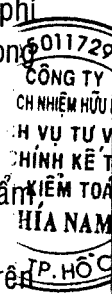
3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.



4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

5.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	05	năm
Phương tiện vận tải	06	năm
Quyền sử dụng đất	50	năm



6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

6.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

6.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/6/2013

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

9.1. Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại : Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

9.2. Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

9.3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết hội đồng quản trị và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các



khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

01729-C
CÔNG TY
NHIỆM HỮU HẠN
VỤ TƯ VẤN
ÍNH KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
IA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền mặt		1.366.381.992		1.208.471.025
+ Tiền mặt VND		1.323.472.527		1.166.231.354
+ Tiền mặt ngoại tệ - USD	2.029,68 USD #	42.909.465	2.029,68 USD #	42.239.671
Tiền gửi ngân hàng		52.705.779.926		48.651.666.181
+ Tiền gửi ngân hàng VND		46.175.023.304		42.726.946.842
+ Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ		6.530.756.622		5.924.719.339
USD	308.744,59 USD #	6.527.169.378	284.453,70 USD #	5.919.765.951
EUR	130,64 EUR #	3.587.244	181,84 EUR #	4.953.388
Cộng		54.072.161.918		49.860.137.206

2. Phải thu của khách hàng

		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Phải thu khách hàng - VND		514.181.535.667		417.581.701.176
Phải thu khách hàng - USD	4.197.597,09 USD #	88.741.400.081	5.918.626,40 USD #	123.172.534.011
Cộng		602.922.935.748		540.754.235.187

3. Trả trước cho người bán

		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Rmm Metallhandel GMBH	194.419,92 USD #	4.110.231.529	89.056,00 USD #	1.857.351.936
Công ty TNHH Shanghai Byl Equipment		-	84.651,00 USD #	1.765.565.907
Troester GMBH & Co. KG		-	4.288,00 EUR #	114.468.160
Công ty TNHH DV-TM Hantrivi		313.636.364		313.636.364
Công ty TNHH Hà Minh Phát		978.999.970		1.100.000.000
Công ty CP Tư Vấn Thiết kế CN & Dân Dụng(IDCo)		490.160.000		502.570.000
Công ty TNHH Vina Compound		1.789.623.000		-
Các công ty khác		3.393.971.982		4.819.425.679
Cộng		11.076.622.845		10.473.018.046

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

		Số cuối kỳ		Số đầu năm
Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn cho các khoản nợ phải thu quá hạn như sau:				
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán dưới 1 năm		(7.162.776.167)		(870.132.248)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm		(1.816.513.922)		(2.599.432.586)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm		(281.821.544)		(14.290.023)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm		(1.327.819.946)		(1.353.628.488)
Cộng		(10.588.931.579)		(4.837.478.345)

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5. Hàng tồn kho		
Hàng mua đang đi đường	4.984.556.032	-
Nguyên liệu, vật liệu	185.083.894.359	181.231.827.094
Công cụ dụng cụ	604.083.940	440.032.965
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.109.955.085	85.559.805.815
Thành phẩm	299.835.616.088	291.416.497.149
Hàng hóa	17.144.753	832.470.584
Cộng	566.635.250.257	559.480.633.607
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	566.635.250.257	559.480.633.607
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	670.594.363	663.761.681
Chi phí thuê mặt bằng	538.110.280	112.857.848
Chi phí làm pano quảng cáo	1.288.081.818	226.818.182
Phí quản lý và sử dụng hạ tầng tại KCN	413.242.333	-
Chi phí hội nghị khách hàng cần phân bổ trong 6 tháng cuối năm 2013	4.440.117.976	-
Cộng	7.350.146.770	1.003.437.711
7. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ dự thầu	2.686.220.412	1.981.154.308
Ký quỹ mở L/C thanh toán 285.188,50 USD #	6.029.170.078	1.891.511.790
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.234.380.598	1.269.377.900
Cộng	10.949.771.088	5.142.043.998

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	67.254.721.723	300.660.060.402	3.975.529.501	26.790.697.948	398.681.009.574
Tăng trong kỳ	113.471.102.323	107.673.379.392	486.897.900	2.264.810.909	223.896.190.524
+ Mua sắm mới	891.786.397	9.046.224.111	62.150.000	-	10.000.160.508
+ Xây dựng cơ bản	55.385.063.548	12.015.898.656	212.373.950	721.810.909	68.335.147.063
+ Điều động nội bộ	57.194.252.378	86.611.256.625	212.373.950	1.543.000.000	145.560.882.953
Giảm trong kỳ	57.346.220.476	88.825.221.771	1.243.107.071	1.610.525.981	149.025.075.300
+ Điều động nội bộ	57.194.252.378	86.611.256.625	212.373.950	1.543.000.000	145.560.882.953
+ Khác (*)	151.968.098	2.213.965.146	1.030.733.121	67.525.981	3.464.192.347
Số cuối kỳ	123.379.603.570	319.508.218.023	3.219.320.330	27.444.982.876	473.552.124.798

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	43.187.000.708	193.330.270.108	2.769.304.202	18.384.683.486	257.671.258.503
Tăng trong kỳ	2.665.419.649	12.283.495.431	161.216.548	1.106.016.319	16.216.147.947
+ Trích khấu hao	2.586.524.740	9.999.795.101	161.216.548	1.057.797.568	13.805.333.957
+ Điều động nội bộ	78.894.909	2.283.700.330	-	48.218.751	2.410.813.990
Giảm trong kỳ	201.319.019	4.353.705.567	781.836.234	115.744.732	5.452.605.552
+ Điều động nội bộ	78.894.909	2.283.700.330	-	48.218.751	2.410.813.990
+ Khác (*)	122.424.110	2.070.005.237	781.836.234	67.525.981	3.041.791.562
Số cuối kỳ	45.651.101.338	201.260.059.972	2.148.684.516	19.374.955.073	268.434.800.898
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.067.721.015	107.329.790.294	1.206.225.300	8.406.014.463	141.009.751.071
Số cuối năm	77.728.502.232	118.248.158.051	1.070.635.814	8.070.027.803	205.117.323.900

(*) Nguyên giá tài sản cố định và giá trị hao mòn giảm trong kỳ là do đơn vị đã thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm 30/06/2013 và 01/01/2013 lần lượt là 172.904.649.389 đ và 170.598.354.884 đ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2013 là 10.283.363.281 đ và một phần tài sản cố định của Dự án nhà máy sản xuất cáp ngầm trung và hạ thế Tân Phú Trung nhưng chưa xác định cụ thể tài sản nào (Xem thêm Thuyết minh số VI.20) .

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Quyền sử dụng đất có thời hạn (**)	Phần mềm quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.125.000.000	50.991.285.959	1.124.776.940	-	55.241.062.899
Tăng trong kỳ			197.712.000		197.712.000
Giảm trong kỳ					-
Số cuối kỳ	3.125.000.000	50.991.285.959	1.322.488.940	-	55.438.774.899
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		4.779.016.657	1.124.776.940	-	5.903.793.597
Tăng trong kỳ		509.912.862	2.746.000	-	512.658.862
Giảm trong kỳ		-	-	-	-
Số cuối kỳ		5.288.929.519	1.127.522.940	-	6.416.452.459
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.125.000.000	46.212.269.302	-	-	49.337.269.302
Số cuối năm	3.125.000.000	45.702.356.440	194.966.000	-	49.022.322.440

(*) Quyền sử dụng đất Lô số 4B1 và 5B1 đường 2/9 phường Hòa Cường, Bắc quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

501172
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
H VU TƯ
HÌNH KẾ
KIỂM TỐ
HÓA NẠI
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(**) Quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Theo Hợp đồng vay số 542/2008/HĐVV/TBĐVN-CADIVI ngày 15/8/2008 giữa Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam và Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam, Công ty đảm bảo khoản vay của hợp đồng này bằng quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, được sự đồng ý của Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam, quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng để thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 08/2010/HĐTD-DTTC-TD ngày 20/5/2010 được ký giữa Công ty và Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án nhà máy cáp Sài Gòn(*)
 Dự án nhà máy cáp điện Tân Phú Trung
 + Nhà máy cáp điện Tân Phú Trung
 + Xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung
 + Máy CCV Line tại Tân Phú Trung
 + CP thử nghiệm máy Drum và bọc 150 - thuộc dự án TPT
 + CP thử nghiệm máy CCV Line - thuộc dự án TPT
 Lắp đặt máy xoắn ghép cáp CLV 1250
 Khác

Cộng**Số cuối kỳ**

88.834.530.018

8.719.583.069

583.290.091

5.410.981.901

199.610.193

1.362.218.792

1.163.482.092

781.642.042

2.929.643.907

101.265.399.036**Số đầu năm**

88.328.000.000

70.030.376.550

56.062.936.452

5.410.981.901

6.030.757.313

1.362.218.792

1.163.482.092

2.003.229.532

160.361.606.102

(*) Khoản đầu tư này sẽ được dùng để góp vốn và bàn giao cho Công ty con (Cadivi Đồng Nai) trong Quý 3/2013

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác(*)
 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(**)

Cộng**Số cuối kỳ**

10.135.707.611

(1.267.130.000)

8.868.577.611**Số đầu năm**

10.135.707.611

(1.293.174.000)

8.842.533.611

(*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Thành tiền	Số lượng cổ phần	Thành tiền
Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	480.000	4.995.833.299	480.000	4.995.833.299
Vietcombank	32.555	2.178.670.000	32.555	2.178.670.000
Công ty CP Công nghệ cao	77.500	1.057.011.301	77.500	1.057.011.301
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư VN (mệnh giá 10.000.000 đ/CP)	26	260.000.000	26	260.000.000
Công ty CP Điện cơ	10.000	124.193.011	10.000	124.193.011
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		500.000.000		500.000.000
Cộng		10.135.707.611		10.135.707.611

(**) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Mã chứng khoán	Số lượng cổ phần	Giá trị ghi sổ 30/06/2013	Giá trị thị trường 30/06/2013	Dự phòng giảm giá đầu tư
Vietcombank	VCB	32.555	2.178.670.000	911.540.000	(1.267.130.000)
Cộng		32.555	2.178.670.000	911.540.000	(1.267.130.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa có đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 chính thức của các đơn vị này nên chưa xem xét việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư này. Tuy nhiên, theo thông tin chưa chính thức, kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 của các đơn vị này vẫn bình thường và căn cứ vào lợi nhuận năm 2012 đã được chia trong năm 2013, Công ty cho rằng không có khoản đầu tư nào cần phải trích lập dự phòng thêm trong 6 tháng đầu năm 2013.

12. Chi phí trả trước dài hạn

			Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền thuê đất khu công nghiệp Hòa Cẩm- Đà Nẵng			8.618.014.532		8.715.904.688
Tiền thuê đất khu công nghiệp Tân Phú Trung- Củ Chi			36.822.670.969		37.112.943.969
Cộng			45.440.685.501		45.828.848.657
Chi tiết phân bổ tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:					
Khu công nghiệp	Giá trị ban đầu	Đã phân bổ chi phí lũy kế đến 01/01/2013	Phân bổ chi phí trong 6 tháng đầu năm 2013	Đã phân bổ chi phí lũy kế đến 30/06/2013	Giá trị còn lại
Hòa Cẩm- Đà Nẵng	9.621.388.631	905.483.943	97.890.156	1.003.374.099	8.618.014.532
Tân Phú Trung- Củ Chi	39.122.181.969	2.009.238.000	290.273.000	2.299.511.000	36.822.670.969
Cộng	48.743.570.600	2.914.721.943	388.163.156	3.302.885.099	45.440.685.501

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời chịu thuế

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	6.406.639.820	6.406.639.820
	1.601.659.955	1.601.659.955

14. Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - SGD 1 (a)	63.164.042.650	88.435.764.017
Ngân hàng ngoại thương VN Tp.HCM (b)	86.349.585.168	33.130.270.403
Ngân hàng HSBC (c)	263.190.513.124	129.279.961.300
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (d)	95.000.000.000	95.000.000.000
Ngân hàng TM Chinatrust (e)	62.357.488.186	62.409.145.900
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (f)	979.000.000	-
Ngân hàng Quốc Tế (g)	341.042.130	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - SGD 2	-	25.000.000.000

- Vay dài hạn đến hạn trả

NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - SGD 1		
+ VND (h)	800.225.000	2.407.475.000
+ USD (i)	514.022.274	1.012.823.984
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước (j)	7.094.000.000	14.188.000.000
Cộng	579.789.918.532	450.863.440.604

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính**

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(a): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
2000-LDS-201301516	24/01/2013	24/07/2013	2.200.000.000	9,0%	Tín chấp
2000-LDS-201308974	20/05/2013	20/11/2013	18.764.042.650	5,9%	
2000-LDS-201309103	21/05/2013	21/11/2013	10.000.000.000	5,9%	
2000-LDS-201310065	30/05/2013	30/11/2013	16.200.000.000	5,9%	
2000-LDS-201310207	31/05/2013	30/11/2013	16.000.000.000	5,9%	
Cộng			63.164.042.650		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

(b): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
0087/KH/12NH	27/02/2013	27/08/2013	37.121.196.568	8,0%	Tín chấp
0087/KH/12NH	28/02/2013	28/08/2013	11.585.522.000	8,0%	
0087/KH/12NH	01/03/2013	01/09/2013	13.576.000.000	8,0%	
0087/KH/12NH	10/04/2013	10/07/2013	24.066.866.600	7,1%	
Cộng			86.349.585.168		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

(c): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
CILVNM302346	03/04/2013	01/08/2013	19.824.968.869	7,0%	Nợ phải thu với giá trị 16.100.000 USD và hàng tồn kho luân chuyển trong kho với giá trị 16.100.000 USD
CILVNM300986	05/02/2013	05/07/2013	15.859.240.000	7,5%	
CILVNM302631	10/04/2013	08/08/2013	20.000.000.000	7,0%	
CILVNM305084	25/06/2013	22/11/2013	12.622.981.470	5,4%	
CILVNM300966	04/02/2013	04/06/2013	4.221.596.200	7,5%	
CILVNM301063	07/02/2013	07/07/2013	31.974.973.214	7,5%	
CILVNM303125	25/04/2013	23/08/2013	37.123.604.452	6,7%	
CILVNM305009	21/06/2013	21/10/2013	10.340.682.660	5,4%	
CILVNM301272	21/02/2013	21/06/2013	38.453.928.396	7,5%	
CILVNM305161	26/06/2013	25/11/2013	14.500.000.000	5,4%	
CILVNM305252	28/06/2013	25/11/2013	58.268.537.863	5,4%	
Cộng			263.190.513.124		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính**

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(d): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
542/2008/HĐVV/TBĐVN-CADIVI (i)	15/08/2008	30/09/2013	45.000.000.000	7,0%	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. HCM
01/2012/HĐVV/TBĐVN-CADIVI (ii)	17/12/2008	30/09/2013	50.000.000.000	7,0%	
Cộng			95.000.000.000		

Mục đích vay của các hợp đồng trên :

(i): Trả tiền mua quyền sử dụng 646,4m2 đất và quyền sở hữu nhà thuộc sở hữu nhà nước tại 70-72 đường Nam kỳ khởi nghĩa-Q1-

(ii): Bổ sung vốn lưu

(e): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
907CLSU1300365	11/04/2013	08/10/2013	11.000.000.000	7,0%	Thế chấp kho bãi phải thu với giá trị 3.000.000 USD
907CLSU1300680	19/06/2013	16/09/2013	30.388.917.451	5,4%	
907CLSU1300689	20/06/2013	17/09/2013	20.968.570.735	5,4%	
Cộng			62.357.488.186		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

(f): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
137/2013/HDHM/CMB-HCM-01	28/06/2013	28/09/2013	979.000.000	7,5%	Tín chấp
Cộng			979.000.000		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

(g): Vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
0070/HĐTD2-VIB601/12	02/04/2013	02/08/2013	341.042.130	8,0%	HTK luân chuyển trong quá trình sản xuất KD trị giá 145.000.000.000 VND
Cộng			341.042.130		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : bổ sung vốn lưu động

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính**

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(h): Vay theo hợp đồng tín dụng :

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số dư 30/06/2013	Lãi suất tại thời điểm 30/6/2013	Hình thức đảm bảo
2000-LAV-201101014	25/02/2011	31/08/2013	800.225.000	15,0%	Tín chấp
Cộng			800.225.000		

Mục đích vay của các hợp đồng trên : Xây dựng nhà kho dự án tại KCN Hòa Cẩm Đà Nẵng.

(i): Vay theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201000139 ngày 12/01/2010 (Xem thuyết minh VI.20)

(j): Vay theo hợp đồng số 08/2010/HĐTD-DTTC-TD ngày 20/5/2010 (Xem thuyết minh VI.20)

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	133.806.515.778	148.990.260.210
Công ty Dây đồng VN-CFT	22.028.037.566	18.769.866.720
Công ty CP Kim loại màu và Nhựa Đồng Việt	55.548.089.999	18.730.621.800
Công ty TNHH Hóa Chất LG Vina	5.013.250.000	4.742.100.000
Công ty TNHH Thương mại Đức Biên	575.300.510	21.888.830.500
Công ty TNHH Resinoplast VN LTD.	899.910.000	435.600.000
Công ty CP Đầu tư Rôbốt	8.791.320.000	19.580.587.400
Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	12.860.215.885	
Công ty TNHH TMSX Dây và Cáp Điện Đại Long	10.172.093.231	
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	-	6.388.800.000
Công ty TNHH Shanghai Byl Equipment 14.109,00 USD #	298.267.799	-
Guangdong Silver Age SCI & Tech Co. 119.680,03 USD #	2.530.154.880	-
Avalong Technology Co.,LTD. 3.200,00 USD #	67.651.200	3.200,00 USD # 66.595.200
Sunlane International Co.	-	6.750,00 USD # 140.474.250
Các công ty khác	22.346.180.052	21.156.786.667
Cộng	274.936.986.900	260.890.522.747

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước - VNĐ	2.896.612.387	2.511.822.576
Người mua trả trước - USD 39.421,37 USD #	833.407.183	12.622,4 USD # 262.684.766
Cộng	3.730.019.570	2.774.507.342

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	6.521.401.303	9.023.845.134
Thuế xuất nhập khẩu	946.084.050	644.037.474
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.466.566.933	-
Thuế thu nhập cá nhân	484.985.088	1.699.355.861
Các loại thuế khác	-	621.488.165
Cộng	18.419.037.374	11.988.726.634

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính**

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

18. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bán hàng (chi phí vận chuyển, ...)	2.067.577.830	4.790.889.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp (thuê kho, phí bảo vệ,...)	702.929.546	280.857.667
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	3.595.308.939	4.040.402.435
Chiết khấu thương mại	38.719.022.855	44.689.989.093
Chi phí khác (tiền ăn giữa ca, đưa rước công nhân,...)	1.719.778.634	1.256.327.750
Chi phí dự án miền Trung	-	200.000.000
Cộng	46.804.617.804	55.258.466.672

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	234.902.065.138	256.907.596.179
Kinh phí công đoàn	112.740.840	-
Bảo hiểm xã hội	14.284.155	15.617.738
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	192.000	388.400
Các khoản khác	7.347.934.350	40.779.130.047
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.744.721.900	38.068.818.400
- Phải trả lãi vay	2.812.055.300	2.011.084.500
- Các khoản khác	1.791.157.150	699.227.338
Cộng	242.377.216.483	297.702.732.264

20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (a) 60.802,00 USD #	1.285.415.082	60.802,00 USD # 1.265.350.422
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước (b)	56.756.689.000	56.756.689.000
Cộng	58.042.104.082	58.022.039.422

(a) Vay theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201000139 ngày 12/01/2010 :

+ Hạn mức vay : 4.300.000.000đ hoặc ngoại tệ tương đương

+ Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

+ Lãi suất : theo từng lần giải ngân

+ Mục đích vay : Đầu tư mua máy tạo hạt PVC

+ Hình thức bảo đảm tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay là máy tạo hạt PVC có nguyên giá là 6.285.035.393 đ.

(b) Vay theo hợp đồng số 08/2010/HĐTD-DTTC-TD ngày 20/5/2010:

+ Số tiền vay : 85.132.689.000 đồng

+ Thời hạn vay : 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất : theo từng lần giải ngân;

+ Mục đích vay : Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế.

+ Hình thức bảo đảm tiền vay : Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và một phần tài sản hình thành từ vốn vay (gồm hệ thống thiết bị chính và thiết bị phụ trợ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số dư đầu năm trước	192.000.000.000	24.034.300.000	(156.900.000)	(306.697.493)	8.839.120.178	17.186.951.776	137.484.017.319	379.080.791.780
-Tăng vốn trong năm trước	57.599.920.000		-		-	-	-	57.599.920.000
-Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm trước	-		-		-	-	124.260.907.057	124.260.907.057
-Phân phối lợi nhuận năm trước	-		-		-	-	(186.013.370.194)	(163.319.000.650)
+ Phân phối cho quỹ CSH	-		-		7.564.789.848	15.129.579.696	(22.694.369.544)	-
+ Chia cổ tức năm trước	-		-		-	-	(145.919.984.000)	(145.919.984.000)
+ Phân phối cho quỹ	-		-		-	-	(15.129.579.696)	(15.129.579.696)
Khen thưởng, phúc lợi	-		-		-	-	(2.269.436.954)	(2.269.436.954)
+ BQL điều hành	-		-	640.318.268	-	-		640.318.268
-Tăng khác	-		-	(333.620.775)	-	-		(176.720.775)
-Giảm khác	-		156.900.000		-	-		
Số dư cuối năm trước	249.599.920.000	24.034.300.000	-	-	16.403.910.026	32.316.531.472	75.731.554.182	398.086.215.680

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ này								
Số dư đầu năm nay	249.599.920.000	24.034.300.000	-	-	16.403.910.026	32.316.531.472	75.731.554.182	398.086.215.680
- Tăng vốn trong kỳ này	-		-		-	-	-	
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ này	-		-		-	-	50.532.024.558	50.532.024.558
- Phân phối lợi nhuận kỳ	-		-		-	-	(51.676.087.018)	(39.249.996.312)
+ Phân phối cho quỹ CSH	-		-		6.213.045.353	6.213.045.353	(12.426.090.706)	-
+ Chia cổ tức	-		-		-	-	(24.959.992.000)	(24.959.992.000)
+ Phân phối cho quỹ	-		-		-	-	(12.426.090.706)	(12.426.090.706)
Khen thưởng, phúc lợi								
+ Thưởng ban điều hành	-		-	985.427.610	-	-	(1.863.913.606)	(1.863.913.606)
- Tặng khác				(985.427.610)			-	985.427.610
- Giảm khác	-		-		-	-	-	(985.427.610)
Số dư cuối kỳ	249.599.920.000	24.034.300.000	-	-	22.616.955.379	38.529.576.825	74.587.491.722	409.368.243.926



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	159.776.610.000	159.776.610.000	152.576.610.000	152.576.610.000
-Vốn góp của cổ đông khác	89.823.310.000	89.823.310.000	97.023.310.000	97.023.310.000
	249.599.920.000	249.599.920.000	249.599.920.000	249.599.920.000

Công ty không phát hành trái phiếu.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>06 tháng đầu năm nay</u>	<u>06 tháng đầu năm trước</u>
Vốn góp đầu năm	249.599.920.000	192.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	249.599.920.000	192.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.959.992.000	38.400.080.000

Cổ phiếu :

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành

Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ

+ Cổ phiếu thường

+ Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu thường

+ Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu thường

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần**06 tháng đầu năm nay**

24.959.992 cổ phần

24.959.992 cổ phần

24.959.992 cổ phần

-

-

-

-

24.959.992 cổ phần

24.959.992 cổ phần

-

06 tháng đầu năm trước

19.200.000 cổ phần

19.200.000 cổ phần

19.200.000 cổ phần

19.200.000 cổ phần

-

-

-

-

19.200.000 cổ phần

19.200.000 cổ phần

-

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu gia công sản xuất

Doanh thu bán vật tư, phế liệu

Doanh thu dịch vụ

Cộng**06 tháng đầu năm nay**

1.620.473.682.532

888.912.000

427.289.944.694

2.810.237.377

2.051.462.776.603**06 tháng đầu năm trước**

1.463.481.219.073

11.833.845

31.295.078.770

266.795.687

1.495.054.927.375

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Hàng bán bị trả lại		740.694.008	2.562.712.804
Cộng		740.694.008	2.562.712.804
3. Giá vốn hàng bán		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa		1.467.616.173.777	1.288.694.743.010
Giá vốn gia công sản xuất		888.912.000	8.186.897
Giá vốn bán vật tư, phế liệu		417.494.203.348	32.733.917.872
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		24.091.715	17.932.890
Cộng		1.886.023.380.840	1.321.454.780.669
4. Doanh thu hoạt động tài chính		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		191.226.856	268.546.326
Lãi cổ tức, lợi nhuận được chia		824.000.000	247.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		385.027.086	626.284.387
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		826.258.657	43.689.509
Khác		1.514.310	24.860.657
Cộng		2.228.026.909	1.210.380.879
5. Chi phí tài chính		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Chi phí lãi vay		23.033.274.230	25.936.662.077
Chi phí lãi tiền nhận ký quỹ		10.274.140.323	11.807.764.582
Chiết khấu thanh toán		2.819.571.724	4.177.192.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		262.012.257	542.636.580
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn		(26.044.000)	(250.673.500)
Cộng		36.362.954.534	42.213.582.415
6. Chi phí bán hàng		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Chi phí nhân viên		1.621.731.454	1.401.399.058
Chi phí vật liệu		68.056.911	46.538.498
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng		107.180.795	63.250.231
Chi phí bảo hành		90.520.083	56.979.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài		10.062.527.826	7.458.891.708
Chi phí bằng tiền khác		14.003.154.935	12.178.319.358
Cộng		25.953.172.004	21.205.373.243

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Chi phí nhân viên	15.906.123.073	26.684.517.101
Chi phí vật liệu	485.347.348	447.370.383
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	771.488.397	638.730.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.178.033.262	1.591.820.697
Thuế, phí, lệ phí	73.680.000	980.717.394
Chi phí dự phòng	5.751.453.234	358.392.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.949.081	1.822.911.451
Chi phí bằng tiền khác	10.044.986.856	7.594.544.713
Cộng	38.134.061.251	40.119.005.031

8. Thu nhập khác**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Thu từ thanh lý tài sản	-	374.200.000
Thu lãi nợ quá hạn	64.575.537	71.561.942
Thu tiền phạt hợp đồng	27.000.000	-
Xử lý công nợ do khách hàng trả tiền thừa	3.413.088	-
Khoản thuế nhập khẩu có QĐ không phải nộp	317.450.339	-
Khoản tiền được hỗ trợ lãi suất từ Công ty đầu tư tài chính nhà nước	1.130.692.928	-
Cộng	1.543.131.892	445.761.942

9. Chi phí khác**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Lãi chậm nộp thuế	460.844.125	-
Khác	29.181.190	-
Cộng	490.025.315	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Chi phí nguyên liệu vật liệu	2.049.925.503.714	2.093.684.970.533
Chi phí nhân công	54.557.922.132	53.855.698.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.094.645.115	7.148.248.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.277.658.435	2.545.674.774
Chi phí khác bằng tiền	29.632.149.208	6.674.797.461
Cộng	2.166.487.878.604	2.163.909.390.247

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.529.647.452	69.155.616.034
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	460.844.125	-
Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	460.844.125	-
Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế ước tính	67.990.491.577	69.155.616.034
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	16.997.622.894	17.288.904.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.997.622.894	17.288.904.009

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**06 tháng đầu năm nay****06 tháng đầu năm trước**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

50.532.024.558

51.866.712.025

Số cổ phiếu bình quân lưu hành

24.959.992

19.191.158

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

2.025

2.703

VIII. Công cụ tài chính**1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền

54.072.161.918

49.860.137.206

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

-

-

Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

8.868.577.611

8.842.533.611

Phải thu khách hàng

602.922.935.748

540.754.235.187

Khoản phải thu khác

3.283.317.712

504.925.820.117

Tài sản tài chính khác

10.949.771.088

6.230.639.233

Cộng**680.096.764.077****606.192.471.659****Nợ phải trả tài chính****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Phải trả cho người bán

274.936.986.900

260.890.522.747

Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

637.832.022.614

508.885.480.026

Phải trả người lao động

11.020.992.901

26.026.978.898

Chi phí phải trả

46.804.617.804

55.258.466.672

Các khoản phải trả khác

243.585.656.128

299.184.859.183

Cộng**1.214.180.276.347****1.150.246.307.526**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

2. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đang thế chấp Quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nợ phải thu và Hàng tồn kho, máy tạo hạt PVC và một số tài sản (thiết bị chính và thiết bị phụ trợ) được hình thành từ dự án Nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế tại Tân Phú Trung, Tp. HCM (Xem thuyết minh VI.14 và VI.20)

Việc thế chấp bằng Nợ phải thu và hàng tồn kho được quy định chung trong hợp đồng tín dụng mà không xác định cụ thể khoản nợ phải thu cũng như hàng tồn kho nào được thế chấp;

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với khách hàng là các đại lý, Công ty yêu cầu đại lý thực hiện ký quỹ tương ứng với giá trị hàng chưa thanh toán (các đại lý được hưởng lãi ký quỹ thanh toán) hoặc được ngân hàng có uy tín bảo lãnh thanh toán. Mặc khác, Công ty cũng xây dựng được mạng lưới khách hàng là các đại lý trên khắp cả nước nên rủi ro tín dụng không tập trung vào khách hàng nhất định.

+ Đối với khách hàng nước ngoài, Công ty chủ yếu bán hàng theo phương thức thanh toán L/C nên sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng.

+ Một số trường hợp khác sẽ do Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá khả năng thanh toán từng khách hàng cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**Báo cáo tài chính**

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	274.936.986.900	-	274.936.986.900
Vay và nợ	579.789.918.532	58.042.104.082	637.832.022.614
Phải trả cho người lao động	11.020.992.901	-	11.020.992.901
Chi phí phải trả	46.804.617.804	-	46.804.617.804
Các khoản phải trả khác	243.585.656.128	-	243.585.656.128
Cộng	1.156.138.172.265	58.042.104.082	1.214.180.276.347
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	260.890.522.747	-	260.890.522.747
Vay và nợ	450.863.440.604	58.022.039.422	508.885.480.026
Phải trả cho người lao động	26.026.978.898	-	26.026.978.898
Chi phí phải trả	55.258.466.672	-	55.258.466.672
Các khoản phải trả khác	299.184.859.183	-	299.184.859.183
Cộng	1.092.224.268.104	58.022.039.422	1.150.246.307.526

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền ngắn hạn và dài hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

IX. Những thông tin khác**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Tiền lương, tiền thưởng	1.919.324.133	2.596.609.087
Thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị	586.000.000	192.000.000
Cộng	2.505.324.133	2.788.609.087

(i) Trong đó, Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị được chi trong năm 2013 có nguồn kinh phí của năm 2012 là 316.000.000 đ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan**Nội dung giao dịch****06 tháng đầu năm nay**

06 tháng đầu năm nay

Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Trả lãi vay

3.337.500.000

1.575.000.000

Lãi vay phát sinh trong kỳ

4.106.250.000

Mua nguyên vật liệu

339.810.751.606

320.820.559.565

Đã thanh toán

354.994.496.038

375.387.122.645

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán (30/06/2013), công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan**Nội dung công nợ****Số cuối kỳ****Số đầu năm**

Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Phải trả tiền vay

95.000.000.000

95.000.000.000

Phải trả lãi vay

2.105.251.005

1.336.501.005

Phải trả tiền mua nguyên vật liệu

133.806.515.778

148.990.260.210

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin về bộ phận theo khu vực được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty	Xí nghiệp Long Biên	Xí nghiệp Tân Á	Xí nghiệp Thành Mỹ	Cộng
1) Tiền và các khoản tương đương tiền.	50.442.073.214	302.335.606	593.825.887	2.733.927.211	54.072.161.918
2) Phải thu khách hàng	333.125.341.403	87.979.788.953	102.436.359.475	79.381.445.917	602.922.935.748
3) Nguyên vật liệu tồn kho.	54.777.555.163	60.771.272.350	41.737.253.268	27.797.813.578	185.083.894.359

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tài chính**

Cho 6 tháng đầu năm 2013, kết thúc ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty	Xí nghiệp Long Biên	Xí nghiệp Tân Á	Xí nghiệp Thành Mỹ	Cộng
4) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.	5.459.944.032	40.342.690.832	18.594.642.131	11.712.678.090	76.109.955.085
5) Tài sản cố định hữu hình:	23.203.712.260	12.545.876.825	154.482.651.157	14.885.083.658	205.117.323.900
- Nguyên giá	38.265.135.161	67.077.003.006	230.510.788.035	137.699.198.596	473.552.124.798
- Hao mòn lũy kế	(15.061.422.901)	(54.531.126.181)	(76.028.136.878)	(122.814.114.938)	(268.434.800.898)
6) Tài sản cố định vô hình:	49.022.322.440	-	-	-	49.022.322.440
- Nguyên giá	55.438.774.899	-	-	-	55.438.774.899
- Hao mòn lũy kế	(6.416.452.459)	-	-	-	(6.416.452.459)
7) Tài sản không phân bổ					484.688.649.752
Tổng cộng Tài sản					1.657.017.243.202
1) Vay ngắn hạn, dài hạn	637.832.022.614	-	-	-	637.832.022.614
2) Nợ phải trả bộ phận	277.642.244.415	336.720.412	580.505.143	107.536.500	278.667.096.470
3) Nợ phải trả không phân bổ.					331.149.970.192
Nợ phải trả					1.247.648.999.276

Công ty tổ chức bán hàng tập trung thông qua bộ máy bán hàng của Công ty, các Xí nghiệp không tổ chức bán hàng cũng như không hạch toán Doanh thu, Giá vốn.

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 6 tháng đầu năm 2013 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính niên độ tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 đã soát xét.

5. Thông tin khác

5.1 Công ty đã thành lập Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3603058326 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2013 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong tháng 7/2013, Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai sẽ chính thức hoạt động.

5.2 Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tăng với điều lệ vào 06 tháng đầu năm 2013.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2013

Tổng giám đốc



NGÔ HỒNG NGÀ

VÕ HỮU LUYỆN

NGUYỄN LỘC